

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12/01/2018

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chào.

2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Truận - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 434/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 25, ấp MB, xã TMT, huyện CP, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Chị Lê Kiều D, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 25, ấp MB, xã TMT, huyện CP, tỉnh An Giang.

(anh L có mặt, chị D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày ý kiến:

- Về hôn nhân: Anh và chị Lê Kiều D do sự mai mối của hai bên gia đình và sau một thời gian tìm hiểu nên anh chị tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TMT vào năm 2006. Sau khi kết hôn anh L với chị D sống hạnh phúc chỉ được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường hay tranh cãi, sự việc cứ lặp đi lặp lại nhiều lần làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, anh và chị D đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả nên đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh L yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

- Về con chung: Anh và chị D có hai con chung tên Nguyễn Thị N Y, sinh ngày 10/9/1999 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 24/8/2005. Khi ly hôn anh tôn trọng quyền quyết định của cháu K, nếu cháu muốn sống với chị D thì anh đồng ý và không cấp dưỡng nuôi con. Riêng Nguyễn Thị N Y hiện đã thành niên và có khả năng tự lập nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh L khai không có và không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn chị Lê Kiều D vắng mặt tại phiên tòa.

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ giai đoạn thụ lý đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đều thực hiện tuân theo pháp luật tố tụng. Tuy nhiên, đối với bị đơn vắng mặt tại phiên họp và tại phiên tòa không lý do là không tuân theo pháp luật tố tụng. Về quan điểm giải quyết vụ án đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận. Về con chung cháu N Y đã trưởng thành và tự lập nên không xem xét, riêng đối với cháu K đang sống với chị D, cháu K có ý kiến và nguyện vọng xin sống chung với mẹ nên xét giao cho chị D nuôi dạy là hợp lý và anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Về tài sản chung và nợ chung anh L khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Căn cứ vào đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì vụ án thuộc quan hệ về tranh chấp hôn nhân và gia đình, cụ thể anh Nguyễn Văn L yêu cầu xin ly hôn với chị Lê Kiều D, tranh chấp về con chung, về phần tài sản chung và nợ chung anh L khai không có, do vậy Tòa án thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Do đây là loại kiện tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện mà cụ thể là Tòa án nhân dân huyện Châu Phú do bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Châu Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về trình tự và thủ tục khởi kiện:

Xét đây là vụ án không bắt buộc phải thông qua hòa giải cơ sở, nên anh Nguyễn Văn L làm đơn khởi kiện trực tiếp ra Tòa án vẫn hợp lệ.

[1.4] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định, tuy nhiên do chị D cố tình vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị D là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Giữa anh Nguyễn Văn L và chị Lê Kiều D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, nên xem đây là hôn nhân hợp pháp, do vậy tại phiên tòa hôm nay, anh L xin ly hôn, chị D vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa anh L và chị D thực sự đã đổ vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, thể hiện qua việc vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau, vợ chồng đã sống ly thân trên 05-06 năm nay, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị D nhiều lần tham gia phiên hòa giải để vợ chồng hàn gắn, nhưng chị D vẫn cố tình vắng mặt đều này thể hiện chị D không muốn hàn gắn tình nghĩa vợ chồng, ngoài ra tại biên bản xác minh tại địa phương cũng xác định giữa anh L và chị D thường xuyên mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, do vậy việc anh L xin ly hôn với chị D là có cơ sở, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thị N Y, sinh ngày 10/9/1999 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 24/8/2005. Hội đồng xét xử xét thấy hiện con chung Nguyễn Thị N Y đã thành niên và có khả năng tự lập nên nên không xem xét, giải quyết. Riêng đối với cháu K còn nhỏ và đang sống với chị D, nên Hội đồng xét xử căn cứ theo ý kiến và nguyện vọng của cháu K thì có nguyện vọng sống với mẹ, nên xét giao cháu K cho chị D nuôi dạy là hợp lý, hơn nữa từ ngày ly thân đến nay chị D cũng là người trực tiếp nuôi dạy cháu K.

[2.3] Về cấp dưỡng: Đối với cháu K còn nhỏ, anh L không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, nhưng theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, do vậy Hội đồng xét xử xét thấy anh L là người không trực tiếp nuôi cháu K nên anh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu K, xét hiện hoàn cảnh kinh tế của anh L cũng không khá nên chỉ buộc anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con ở mức tối thiểu, cụ thể hàng tháng phải cấp dưỡng là $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở kể từ tháng 01 năm 2018 cho đến khi cháu K thành niên và có khả năng tự lập là có căn cứ.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh L khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.5] Về án phí: Do yêu cầu xin ly hôn của anh L được chấp nhận, nên anh L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con được quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; số tiền án phí anh L phải chịu nói trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0017297 ngày 10/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, anh L phải nộp thêm 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 233, Điều 335 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia

định; căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn L đối với chị Lê Kiều D.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 24/8/2005 cho chị D tiếp tục nuôi dạy, chăm sóc và giáo dục, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu K hàng tháng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở kể từ tháng 01 năm 2018 cho đến khi cháu K thành niên và có khả năng tự lập. Anh L được quyền thăm nom con chung mà không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Đối với con chung tên Nguyễn Thị N Y, sinh ngày 10/9/1999 đã thành niên và có khả năng tự lập nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh L khai không có nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Anh L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0017297 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, anh L phải nộp thêm 300.000đ.

- Về quyền kháng cáo: Anh L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước Hậu